



CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0866-22-NT

Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2022

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
2. **Địa chỉ** : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
3. **Loại mẫu** : Nước thải
4. **Vị trí lấy mẫu** : 071222-01 (01-NT): NTV-01 - Đầu vào NMXLNTTT số 1 (nước thải trước khi xử lý)
: 071222-01 (03-NT): NTV-02 - Đầu vào NMXLNTTT số 2 (nước thải trước khi xử lý)
5. **Mô tả mẫu** : NT01: Vàng đục, hôi, ít cặn
: NT03: Đục, nhiều cặn
6. **Ngày lấy mẫu** : 07/12/2022, trời nắng
7. **Thời gian thử nghiệm** : 08/12/2022 – 14/12/2022
8. **Thời gian lưu mẫu** : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. **Phương pháp lấy mẫu** :
TCVN 6663-1: 2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 : Chất lượng nước. Lấy mẫu: Hướng dẫn lấy mẫu nước thải.
TCVN 6663-3: 2016 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước.
TCVN 6663-14: 2018 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
TCVN 8880:2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật
10. **Kết quả thử nghiệm** : Xem trang 2-3/3

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VÕ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 07/12/2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		TIÊU CHUẨN/ QUY CHUẨN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT01	NT03		
1	Nhiệt độ ^(1,2)	°C	30,3	30,3	35	SMEWW 2550.B:2017
2	pH ^(1,2)	-	7,74	7,55	5 - 9	TCVN 6492 : 2011
3	Màu ⁽¹⁾	Pt-Co	69	60	50	TCVN 6185: 2015
4	BOD ₅ (20°C) ^(1,2)	mg/L	205	148	300	TCVN 6001-1 : 2008
5	COD ^(1,2)	mg/L	430	310	500	SMEWW 5220.C:2017
6	TSS ^(1,2)	mg/L	121	74	300	TCVN 6625 : 2000
7	Tổng Xyanua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,0567	SMEWW 4500-CN .C&E:2017
8	Clo dư ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,1)	0,30	5	TCVN 6225-3 : 2011
9	Crom III(Cr ³⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,162	SMEWW 3111B:2017& SMEWW3500CrB:2017
10	Crom VI(Cr ⁶⁺) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,0405	SMEWW3500CrB:2017
11	Asen (As) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	0,0405	SMEWW 3114 C : 2017
12	Thủy ngân (Hg) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,00405	SMEWW 3112 B : 2017
13	Chì (Pb) ^(1,2)	mg/L	0,006	KPH (LOD=0,002)	0,081	SMEWW 3113 B : 2017
14	Cadimi (Cd) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,0004)	KPH (LOD=0,0004)	0,0405	SMEWW 3113 B : 2017
15	Đồng (Cu) ^(1,2)	mg/L	1,00	1,01	1,62	SMEWW 3111 B : 2017
16	Kẽm (Zn) ^(1,2)	mg/L	1,02	1,03	2,43	SMEWW 3111 B : 2017

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

Tiêu chuẩn/ quy chuẩn hiện hành: Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Giang Điền.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 117 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 07/12/2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		TIÊU CHUẨN/ QUY CHUẨN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT01	NT03		
17	Niken (Ni) ^(1,2)	mg/L	1,00	0,98	0,162	SMEWW 3111 B : 2017
18	Mangan (Mn) ^(1,2)	mg/L	1,56	0,79	1	SMEWW 3111.B : 2017
19	Sắt (Fe) ^(1,2)	mg/L	1,58	1,57	5	SMEWW 3111.B : 2017
20	Tổng phenol ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	0,081	TCVN 6216:1996
21	Tổng dầu mỡ khoáng ^(1,2)	mg/L	3,84	3,12	10	SMEWW 5520B&F:2017
22	Sunfua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	1	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D: 2017
23	Florua (F) ⁽¹⁾	mg/L	0,25	0,16	15	SMEWW 4500-F B&D: 2017
24	Amoni ^(1,2) (tính theo N)	mg/L	4,14	5,48	15	TCVN 5988 : 1995
25	Tổng photpho ^(1,2) (tính theo P)	mg/L	2,72	2,20	8	TCVN 6202: 2008
26	Clorua (Cl) ^(1,2)	mg/L	193,12	220,38	450	TCVN 6194 : 1996
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,00001)	KPH (LOD=0,00001)	0,0405	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C + US EPA Method 8081B
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,00016)	KPH (LOD=0,00016)	0,243	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8141B
29	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100mL	5.300	6.400	-	TCVN 6187-2 : 1996
30	Tổng nitơ ^(1,2)	mg/L	23,45	16,80	60	TCVN 6638 : 2000

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo.

Tiêu chuẩn/ quy chuẩn hiện hành: Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Giang Điền.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 077 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai1@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0544-22-NT

Đồng Nai, ngày 19 tháng 09 năm 2022

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
- Địa chỉ** : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu** : Nước thải
- Vị trí lấy mẫu** : 070922-01 (01-NT): NTV-01 - Đầu vào NMXLNTTT số 1 (nước thải trước khi xử lý)
: 070922-01 (03-NT): NTV-02 - Đầu vào NMXLNTTT số 2 (nước thải trước khi xử lý)
- Mô tả mẫu** : NT01: Vàng đục, hôi, ít cặn
: NT03: Hơi đục
- Ngày lấy mẫu** : 07/09/2022, trời nắng
- Thời gian thử nghiệm** : 08/09/2022 – 15/09/2022
- Thời gian lưu mẫu** : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Phương pháp lấy mẫu** :
TCVN 6663-1: 2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 : Chất lượng nước. Lấy mẫu: Hướng dẫn lấy mẫu nước thải.
TCVN 6663-3: 2016 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước.
TCVN 6663-14: 2018 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
TCVN 8880:2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật
- Kết quả thử nghiệm** : Xem trang 2-3/3

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 07/09/2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		TIÊU CHUẨN/ QUY CHUẨN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT01	NT03		
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	29,20	29,20	35	SMEWW 2550.B:2017
2	pH ^(1,2)	-	7,11	7,79	5 - 9	TCVN 6492 : 2011
3	Màu ⁽¹⁾	Pt-Co	68	66	50	TCVN 6185: 2015
4	BOD ₅ (20°C) ^(1,2)	mg/L	250	176	300	TCVN 6001-1 : 2008
5	COD ^(1,2)	mg/L	454	325	500	SMEWW 5220.C:2017
6	TSS ^(1,2)	mg/L	129	71	300	TCVN 6625 : 2000
7	Tổng Xyanua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,0567	TCVN 6181 : 1996
8	Clo dư ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,1)	0,28	5	TCVN 6225-3 : 2011
9	Crom III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,162	SMEWW 3111B:2017 & SMEWW3500CrB:2017
10	Crom VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,0405	SMEWW3500CrB:2017
11	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,0405	SMEWW 3114 C : 2017
12	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,00405	SMEWW 3112 B : 2017
13	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,081	SMEWW 3113 B : 2017
14	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0004)	KPH (LOD=0,0004)	0,0405	SMEWW 3113 B : 2017
15	Đồng (Cu) ⁽¹⁾	mg/L	0,51	0,26	1,62	SMEWW 3111 B : 2017
16	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾	mg/L	0,25	0,25	2,43	SMEWW 3111 B : 2017

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

Tiêu chuẩn/ quy chuẩn hiện hành: Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Giang Điền.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 117 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 07/09/2022



STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		TIÊU CHUẨN/ QUY CHUẨN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT01	NT03		
17	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	0,162	SMEWW 3111 B : 2017
18	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	mg/L	0,38	0,78	1	SMEWW 3111.B : 2017
19	Sắt (Fe) ⁽¹⁾	mg/L	0,32	0,34	5	SMEWW 3111.B : 2017
20	Tổng phenol ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,081	SMEWW 5530B&D: 2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	4,02	4,12	10	SMEWW 5520B&F: 2017
22	Sunfua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	1	SMEWW 4500 - S ² -B&D: 2017
23	Florua (F ⁻) ^(1,2)	mg/L	0,55	0,27	15	SMEWW 4500-F B&D: 2017
24	Amoni ^(1,2) (tính theo N)	mg/L	4,52	5,95	15	TCVN 5988 : 1995
25	Tổng photpho ⁽¹⁾ (tính theo P)	mg/L	2,76	2,15	8	TCVN 6202: 2008
26	Clorua (Cl ⁻) ^(1,2)	mg/L	202,35	211,42	450	TCVN 6194 : 1996
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,00001)	KPH (LOD=0,00001)	0,0405	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,00001)	KPH (LOD=0,00001)	0,243	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
29	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100mL	6.000	7.000	-	TCVN 6187-2 : 1996
30	Tổng nitơ ^(1,2)	mg/L	22,40	16,98	60	TCVN 6638 : 2000

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

Tiêu chuẩn/ quy chuẩn hiện hành: Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Giang Điền.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 117, 077 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0326-22-NT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 06 năm 2022

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
- Địa chỉ** : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu** : Nước thải
- Vị trí lấy mẫu** : 070622-01 (01-NT): NTV-01 - Đầu vào NMXLNTTT số 1 (nước thải trước khi xử lý)
: 070622-01 (03-NT): NTV-02 - Đầu vào NMXLNTTT số 2 (nước thải trước khi xử lý)
- Mô tả mẫu** : NT01: Vàng đục, hôi, ít cặn
: NT03: Hơi đục
- Ngày lấy mẫu** : 07/06/2022, trời nắng
- Thời gian thử nghiệm** : 08/06/2022 – 14/06/2022
- Thời gian lưu mẫu** : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Phương pháp lấy mẫu** :
TCVN 6663-1: 2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 : Chất lượng nước. Lấy mẫu: Hướng dẫn lấy mẫu nước thải.
TCVN 6663-3: 2016 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước.
TCVN 6663-14: 2018 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
TCVN 8880:2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật
- Kết quả thử nghiệm** : Xem trang 2-3/3

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VÕ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 07/06/2022



TT	CHI TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		TIÊU CHUẨN/ QUY CHUẨN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT01	NT03		
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	30,4	30,4	35	SMEWW 2550.B:2017
2	pH ^(1,2)	-	7,85	7,61	5 - 9	TCVN 6492 : 2011
3	Màu ⁽¹⁾	Pt-Co	65	66	50	TCVN 6185: 2015
4	BOD ₅ (20°C) ^(1,2)	mg/L	201	114	300	TCVN 6001-1 : 2008
5	COD ^(1,2)	mg/L	419	275	500	SMEWW 5220.C:2017
6	TSS ^(1,2)	mg/L	198	83	300	TCVN 6625 : 2000
7	Tổng Xyanua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,0567	TCVN 6181 : 1996
8	Clo dư ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,1)	0,19	5	TCVN 6225-3 : 2011
9	Crom III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,162	SMEWW 3111B:2017 & SMEWW3500CrB:2017
10	Crom VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,0405	SMEWW3500CrB:2017
11	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,0405	SMEWW 3114 C : 2017
12	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,00405	SMEWW 3112 B : 2017
13	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,081	SMEWW 3113 B : 2017
14	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0004)	KPH (LOD=0,0004)	0,0405	SMEWW 3113 B : 2017
15	Đồng (Cu) ⁽¹⁾	mg/L	0,76	0,50	1,62	SMEWW 3111 B : 2017
16	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾	mg/L	2,32	0,44	2,43	SMEWW 3111 B : 2017

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

Tiêu chuẩn/ quy chuẩn hiện hành: Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Giang Điền.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 117 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN****Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai****Ngày lấy mẫu: 07/06/2022**

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		TIÊU CHUẨN/ QUY CHUẨN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT01	NT03		
17	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	0,162	SMEWW 3111 B : 2017
18	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	mg/L	1,19	0,80	1	SMEWW 3111.B : 2017
19	Sắt (Fe) ⁽¹⁾	mg/L	1,65	0,80	5	SMEWW 3111.B : 2017
20	Tổng phenol ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,081	SMEWW 5530 B&D:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	3,68	3,72	10	SMEWW 5520 B&F:2017
22	Sunfua ⁽³⁾	mg/L	KPH	KPH	1	SMEWW 4500 - S ²⁻ B&D: 2017
23	Florua (F ⁻) ^(1,2)	mg/L	0,68	0,36	15	SMEWW 4500-F B&D: 2017
24	Amoni ^(1,2) (tính theo N)	mg/L	4,76	6,02	15	TCVN 5988 : 1995
25	Tổng photpho ⁽¹⁾ (tính theo P)	mg/L	2,87	2,36	8	TCVN 6202: 2008
26	Clorua (Cl ⁻) ^(1,2)	mg/L	168,82	147,13	450	TCVN 6194 : 1996
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,00001)	KPH (LOD=0,00001)	0,0405	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,00001)	KPH (LOD=0,00001)	0,243	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
29	Coliform ⁽¹⁾	MPN/100mL	4.400	6.400	-	TCVN 6187-2 : 1996
30	Tổng nitơ ^(1,2)	mg/L	23,28	16,10	60	TCVN 6638 : 2000

*Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;**Tiêu chuẩn/ quy chuẩn hiện hành: Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Giang Điền.**(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận**(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 117, 077 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện*



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0167-22-NT

Đồng Nai, ngày 23 tháng 03 năm 2022

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
- Địa chỉ** : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu** : Nước thải
- Vị trí lấy mẫu** : 110322-02 (01-NT): NTV-01 - Đầu vào NMXLNTTT số 1 (nước thải trước khi xử lý)
: 110322-02 (03-NT): NTV-02 - Đầu vào NMXLNTTT số 2 (nước thải trước khi xử lý)
- Mô tả mẫu** : NT01: Vàng đục, hôi, ít cặn
: NT03: Đen, hôi
- Ngày lấy mẫu** : 11/03/2022, trời nắng
- Thời gian thử nghiệm** : 12/03/2022 – 18/03/2022
- Thời gian lưu mẫu** : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Phương pháp lấy mẫu** :
TCVN 6663-1: 2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 : Chất lượng nước. Lấy mẫu: Hướng dẫn lấy mẫu nước thải.
TCVN 6663-3: 2016 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước.
TCVN 6663-14: 2018 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
TCVN 8880:2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật
- Kết quả thử nghiệm** : Xem trang 2-3/3

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VÕ LÊ DUY KHÁNH



CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai1@gmail.com



VIMCERTS 045



KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 11/03/2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		TIÊU CHUẨN/ QUY CHUẨN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT01	NT03		
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	31,2	31,2	35	SMEWW 2550.B:2017
2	pH ^(1,2)	-	7,34	7,65	5 - 9	TCVN 6492 : 2011
3	Màu ⁽¹⁾	Pt-Co	67	63	50	TCVN 6185: 2015
4	BOD ₅ (20°C) ^(1,2)	mg/L	197	141	300	TCVN 6001-1 : 2008
5	COD ^(1,2)	mg/L	406	303	500	SMEWW 5220.C:2017
6	TSS ^(1,2)	mg/L	191	71	300	TCVN 6625 : 2000
7	Tổng Xyanua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,0567	TCVN 6181 : 1996
8	Clo dư ⁽¹⁾	mg/L	0,14	0,11	5	TCVN 6225-3 : 2011
9	Crom III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,162	SMEWW 3111B:2017 & SMEWW3500CrB:2017
10	Crom VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,0405	SMEWW3500CrB:2017
11	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,0405	SMEWW 3114 C : 2017
12	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,00405	SMEWW 3112 B : 2017
13	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,081	SMEWW 3113 B : 2017
14	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0004)	KPH (LOD=0,0004)	0,0405	SMEWW 3113 B : 2017
15	Đồng (Cu) ⁽¹⁾	mg/L	0,24	0,74	1,62	SMEWW 3111 B : 2017
16	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾	mg/L	0,23	0,47	2,43	SMEWW 3111 B : 2017

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

Tiêu chuẩn/ quy chuẩn hiện hành: Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Giang Điền.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 117 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai1@gmail.com



VIMCERTS 045

VILAS 521

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 11/03/2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		TIÊU CHUẨN/ QUY CHUẨN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT01	NT03		
17	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	0,162	SMEWW 3111 B : 2017
18	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,05)	0,96	1	SMEWW 3111.B : 2017
19	Sắt (Fe) ⁽¹⁾	mg/L	0,99	2,00	5	SMEWW 3111.B : 2017
20	Tổng phenol ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,081	SMEWW 5530 B&D:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	3,56	3,68	10	SMEWW 5520 B&F:2017
22	Sunfua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,015)	KPH (LOD=0,015)	1	SMEWW 4500 - S ²⁻ B&D: 2017
23	Florua (F ⁻) ^(1,2)	mg/L	0,67	0,43	15	SMEWW 4500-F B&D: 2017
24	Amoni ^(1,2) (tính theo N)	mg/L	3,96	6,59	15	TCVN 5988 : 1995
25	Tổng photpho ⁽¹⁾ (tính theo P)	mg/L	2,71	2,63	8	TCVN 6202: 2008
26	Clorua (Cl ⁻) ^(1,2)	mg/L	229,33	202,35	450	TCVN 6194 : 1996
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH	KPH	0,0405	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH	KPH	0,243	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
29	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100mL	4.600	6.000	-	TCVN 6187-2 : 1996
30	Tổng nitơ ^(1,2)	mg/L	21,18	16,63	60	TCVN 6638 : 2000

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

Tiêu chuẩn/ quy chuẩn hiện hành: Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Giang Điền.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 117 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0867-22-NT

Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2022

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
2. Địa chỉ : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu : Nước thải
4. Vị trí lấy mẫu : 070922-01 (NT-02): NTR-01-Đầu ra NMXLNTTT số 1(nước thải sau xử lý)
: 071222-01 (NT-04): NTR-02-Đầu ra NMXLNTTT số 2(nước thải sau xử lý)
5. Mô tả mẫu : NT02, NT04: Hơi đục
6. Ngày lấy mẫu : 07/12/2022, trời nắng
7. Thời gian thử nghiệm : 08/12/2022 – 14/12/2022
8. Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Phương pháp lấy mẫu :

TCVN 6663-1: 2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.

TCVN 5999:1995 : Chất lượng nước. Lấy mẫu: Hướng dẫn lấy mẫu nước thải.

TCVN 6663-3: 2016 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước.

TCVN 6663-14: 2018 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.

TCVN 8880:2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật

10. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2-3/3

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VÔ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 07/12/2022



TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		GIÁ TRỊ QCVN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT02	NT04		
1	Nhiệt độ ^(1,2)	°C	30,3	30,3	40	SMEWW 2550.B:2017
2	pH ^(1,2)	-	7,42	7,82	6 - 9	TCVN 6492 : 2011
3	Màu ⁽¹⁾	Pt-Co	35	36	50	TCVN 6185: 2015
4	BOD ₅ (20°C) ^(1,2)	mg/L	23	22	24	TCVN 6001-1 : 2008
5	COD ^(1,2)	mg/L	40	48	60,75	SMEWW 5220.C:2017
6	TSS ^(1,2)	mg/L	33	26	40	TCVN 6625 : 2000
7	Tổng Xyanua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,0567	SMEWW 4500-CN'C&E: 2017
8	Clo dư ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,1)	0,36	0,81	TCVN 6225-3 : 2011
9	Crom III(Cr ³⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,162	SMEWW 3111B:2017& SMEWW3500CrB:2017
10	Crom VI(Cr ⁶⁺) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,041	SMEWW3500CrB:2017
11	Asen (As) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	0,041	SMEWW 3114 C : 2017
12	Thủy ngân (Hg) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,004	SMEWW 3112 B : 2017
13	Chì (Pb) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,081	SMEWW 3113 B : 2017
14	Cadimi (Cd) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,0004)	KPH (LOD=0,0004)	0,041	SMEWW 3113 B : 2017
15	Đồng (Cu) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	1,62	SMEWW 3111 B : 2017
16	Kẽm (Zn) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	2,43	SMEWW 3111 B : 2017

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo.

QCVN hiện hành - QCVN 40:2011/BTNMT cột A hệ số Kq=0,9; Kf=0,9 và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2655/GP-BTNMT ngày 18/10/2019.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 077 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 07/12/2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		GIÁ TRỊ QCVN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT02	NT04		
17	Niken (Ni) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	0,162	SMEWW 3111 B : 2017
18	Mangan (Mn) ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	0,405	SMEWW 3111.B : 2017
19	Sắt (Fe) ^(1,2)	mg/L	0,18	KPH (LOD=0,05)	0,8	SMEWW 3111.B : 2017
20	Tổng phenol ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	0,081	TCVN 6216:1996
21	Tổng dầu mỡ khoáng ^(1,2)	mg/L	KPH (LOD=0,3)	KPH (LOD=0,3)	4,05	SMEWW 5520B&F:2017
22	Sunfua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	1	SMEWW 4500-S ² -B&D:2017
23	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾	mg/L	0,21	0,20	4,05	SMEWW 4500-F B&D: 2017
24	Amoni ^(1,2) (tính theo N)	mg/L	0,53	0,43	4	TCVN 5988 : 1995
25	Tổng photpho ^(1,2) (tính theo P)	mg/L	1,11	1,06	3	TCVN 6202: 2008
26	Clorua (Cl ⁻) ^(1,2)	mg/L	66,17	78,95	385	TCVN 6194 : 1996
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,00001)	KPH (LOD=0,00001)	0,0405	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8081B
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,00016)	KPH (LOD=0,00016)	0,243	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8141B
29	Coliform ⁽¹⁾	MPN/100mL	2.600	2.100	3.000	TCVN 6187-2 : 1996
30	Tổng nitơ ^(1,2)	mg/L	14,70	9,45	16,2	TCVN 6638 : 2000

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

QCVN hiện hành - QCVN 40:2011/BTNMT cột A hệ số K_q=0,9; K_f=0,9 và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2655/GP-BTNMT ngày 18/10/2019.

((1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 077 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0545-22-NT

Đồng Nai, ngày 19 tháng 09 năm 2022

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
 - Địa chỉ** : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
 - Loại mẫu** : Nước thải
 - Vị trí lấy mẫu** : 070922-01 (NT-02):NTR-01-Đầu ra NMXLNTTT số 1(nước thải sau xử lý)
: 070922-01 (NT-04):NTR-02-Đầu ra NMXLNTTT số 2(nước thải sau xử lý)
 - Mô tả mẫu** : NT02, NT04: Hơi đục
 - Ngày lấy mẫu** : 07/09/2022, trời nắng
 - Thời gian thử nghiệm** : 08/09/2022 – 15/09/2022
 - Thời gian lưu mẫu** : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
 - Phương pháp lấy mẫu** :
- TCVN 6663-1: 2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
- TCVN 5999:1995 : Chất lượng nước. Lấy mẫu:Hướng dẫn lấy mẫu nước thải.
- TCVN 6663-3: 2016 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước.
- TCVN 6663-14: 2018 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
- TCVN 8880:2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật
- Kết quả thử nghiệm** : Xem trang 2-3/3

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 07/09/2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		GIÁ TRỊ QCVN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT02	NT04		
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	29,20	29,20	40	SMEWW 2550.B:2017
2	pH ^(1,2)	-	7,29	7,60	6 - 9	TCVN 6492 : 2011
3	Màu ⁽¹⁾	Pt-Co	38	39	50	TCVN 6185: 2015
4	BOD ₅ (20°C) ^(1,2)	mg/L	23	20	24	TCVN 6001-1 : 2008
5	COD ^(1,2)	mg/L	49	44	60,75	SMEWW 5220.C:2017
6	TSS ^(1,2)	mg/L	30	23	40	TCVN 6625 : 2000
7	Tổng Xyanua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,057	TCVN 6181 : 1996
8	Clo dư ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,1)	0,23	0,81	TCVN 6225-3 : 2011
9	Crom III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,162	SMEWW 3111B:2017 & SMEWW3500CrB:2017
10	Crom VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,041	SMEWW3500CrB:2017
11	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,041	SMEWW 3114 C : 2017
12	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,004	SMEWW 3112 B : 2017
13	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,081	SMEWW 3113 B : 2017
14	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0004)	KPH (LOD=0,0004)	0,041	SMEWW 3113 B : 2017
15	Đồng (Cu) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	1,62	SMEWW 3111 B : 2017
16	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	2,43	SMEWW 3111 B : 2017

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

QCVN hiện hành - QCVN 40:2011/BTNMT cột A hệ số Kq=0,9; Kf=0,9 và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2655/GP-BTNMT ngày 18/10/2019.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 077,117 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 07/09/2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		GIÁ TRỊ QCVN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT02	NT04		
17	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	0,162	SMEWW 3111 B : 2017
18	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,05)	0,25	0,405	SMEWW 3111.B : 2017
19	Sắt (Fe) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	0,8	SMEWW 3111.B : 2017
20	Tổng phenol ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,081	SMEWW 5530B&D:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	0,42	0,34	4,05	SMEWW 5520B&F:2017
22	Sunfua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	0,16	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D: 2017
23	Florua (F ⁻) ^(1,2)	mg/L	0,49	0,46	4,05	SMEWW 4500-F B&D: 2017
24	Amoni ^(1,2) (tính theo N)	mg/L	0,44	0,35	4	TCVN 5988 : 1995
25	Tổng photpho ⁽¹⁾ (tính theo P)	mg/L	1,00	1,10	3	TCVN 6202: 2008
26	Clorua (Cl ⁻) ^(1,2)	mg/L	50,41	57,65	385	TCVN 6194 : 1996
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,00001)	KPH (LOD=0,00001)	0,041	US EPA Method 3510 + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,00001)	KPH (LOD=0,00001)	0,243	US EPA Method 3510 + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D
29	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100mL	2.900	2.400	3.000	TCVN 6187-2 : 1996
30	Tổng nitơ ^(1,2)	mg/L	13,48	9,63	16,2	TCVN 6638 : 2000

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo.
QCVN hiện hành - QCVN 40:2011/BTNMT cột A hệ số Kq=0,9; Kf=0,9 và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2655/GP-BTNMT ngày 18/10/2019.

((1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 077, 117 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai1@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0327-22-NT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 06 năm 2022

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
- Địa chỉ** : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu** : Nước thải
- Vị trí lấy mẫu** : 070622-01 (NT-02):NTR-01-Đầu ra NMXLNNTTT số 1(nước thải sau xử lý)
: 070622-01 (NT-04):NTR-02-Đầu ra NMXLNNTTT số 2(nước thải sau xử lý)
- Mô tả mẫu** : NT02: Hơi đục
: NT04: Hơi đục
- Ngày lấy mẫu** : 07/06/2022, trời nắng
- Thời gian thử nghiệm** : 08/06/2022 – 14/06/2022
- Thời gian lưu mẫu** : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Phương pháp lấy mẫu** :
TCVN 6663-1: 2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 : Chất lượng nước. Lấy mẫu:Hướng dẫn lấy mẫu nước thải.
TCVN 6663-3: 2016 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước.
TCVN 6663-14: 2018 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
TCVN 8880:2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật
- Kết quả thử nghiệm** : Xem trang 2-3/3

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VÕ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 07/06/2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		GIÁ TRỊ QCVN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT02	NT04		
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	30,4	30,4	40	SMEWW 2550.B:2017
2	pH ^(1,2)	-	7,37	7,75	6 - 9	TCVN 6492 : 2011
3	Màu ⁽¹⁾	Pt-Co	31	24	50	TCVN 6185: 2015
4	BOD ₅ (20°C) ^(1,2)	mg/L	20	16	24	TCVN 6001-1 : 2008
5	COD ^(1,2)	mg/L	44	37	60,75	SMEWW 5220.C:2017
6	TSS ^(1,2)	mg/L	36	27	40	TCVN 6625 : 2000
7	Tổng Xyanua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,057	TCVN 6181 : 1996
8	Clo dư ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,1)	0,17	0,81	TCVN 6225-3 : 2011
9	Crom III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,162	SMEWW 3111B:2017 & SMEWW3500CrB:2017
10	Crom VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,041	SMEWW3500CrB:2017
11	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,041	SMEWW 3114 C : 2017
12	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,004	SMEWW 3112 B : 2017
13	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,081	SMEWW 3113 B : 2017
14	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0004)	KPH (LOD=0,0004)	0,041	SMEWW 3113 B : 2017
15	Đồng (Cu) ⁽¹⁾	mg/L	0,24	KPH (LOD=0,02)	1,62	SMEWW 3111 B : 2017
16	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾	mg/L	0,23	KPH (LOD=0,03)	2,43	SMEWW 3111 B : 2017

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

QCVN hiện hành - QCVN 40:2011/BTNMT cột A hệ số K_q=0,9; K_f=0,9 và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2655/GP-BTNMT ngày 18/10/2019.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 077,117 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BACH VIET ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 07/06/2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		GIÁ TRỊ QCVN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT02	NT04		
17	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	0,162	SMEWW 3111 B : 2017
18	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	mg/L	0,26	KPH (LOD=0,05)	0,405	SMEWW 3111.B : 2017
19	Sắt (Fe) ⁽¹⁾	mg/L	0,33	0,33	0,8	SMEWW 3111.B : 2017
20	Tổng phenol ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,081	SMEWW 5530B&D:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	0,22	0,22	4,05	SMEWW 5520B&F:2017
22	Sunfua ⁽³⁾	mg/L	KPH	KPH	0,16	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D: 2017
23	Florua (F ⁻) ^(1,2)	mg/L	0,44	0,41	4,05	SMEWW 4500-F B&D: 2017
24	Amoni ^(1,2) (tính theo N)	mg/L	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	4	TCVN 5988 : 1995
25	Tổng photpho ⁽¹⁾ (tính theo P)	mg/L	0,94	1,21	3	TCVN 6202: 2008
26	Clorua (Cl ⁻) ^(1,2)	mg/L	77,67	86,90	385	TCVN 6194 : 1996
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,041	US EPA Method 3510 + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,243	US EPA Method 3510 + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D
29	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100mL	2.400	2.100	3.000	TCVN 6187-2 : 1996
30	Tổng nitơ ^(1,2)	mg/L	12,25	9,28	16,2	TCVN 6638 : 2000

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

QCVN hiện hành - QCVN 40:2011/BTNMT cột A hệ số Kq=0,9; Kf=0,9 và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2655/GP-BTNMT ngày 18/10/2019.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 077, 117 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0168-22-NT

Đồng Nai, ngày 23 tháng 03 năm 2022

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
2. Địa chỉ : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu : Nước thải
4. Vị trí lấy mẫu : 110322-02 (NT-02):NTR-01-Đầu ra NMXLNTTT số 1(nước thải sau xử lý)
: 110322-02 (NT-04):NTR-02-Đầu ra NMXLNTTT số 2(nước thải sau xử lý)
5. Mô tả mẫu : NT02: Trong
: NT04: Trong
6. Ngày lấy mẫu : 11/03/2022, trời nắng
7. Thời gian thử nghiệm : 12/03/2022 – 18/03/2022
8. Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Phương pháp lấy mẫu :
TCVN 6663-1: 2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 : Chất lượng nước. Lấy mẫu:Hướng dẫn lấy mẫu nước thải.
TCVN 6663-3: 2016 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước.
TCVN 6663-14: 2018 : Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
TCVN 8880:2011 : Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật
10. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2-3/3

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VÔ LÊ DUY KHÁNH



CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VIMCERTS 045



Số: 0168-22-NT

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 11/03/2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		GIÁ TRỊ QCVN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT02	NT04		
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	⁰ C	31,2	31,2	40	SMEWW 2550.B:2017
2	pH ^(1,2)	-	7,27	8,01	6 - 9	TCVN 6492 : 2011
3	Màu ⁽¹⁾	Pt-Co	28	26	50	TCVN 6185: 2015
4	BOD ₅ (20 ⁰ C) ^(1,2)	mg/L	16	14	24	TCVN 6001-1 : 2008
5	COD ^(1,2)	mg/L	37	31	60,75	SMEWW 5220.C:2017
6	TSS ^(1,2)	mg/L	26	23	40	TCVN 6625 : 2000
7	Tổng Xyanua ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,057	TCVN 6181 : 1996
8	Clo dư ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,81	TCVN 6225-3 : 2011
9	Crom III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,162	SMEWW 3111B:2017& SMEWW3500CrB:2017
10	Crom VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,041	SMEWW3500CrB:2017
11	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,041	SMEWW 3114 C : 2017
12	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,004	SMEWW 3112 B : 2017
13	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,081	SMEWW 3113 B : 2017
14	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0004)	KPH (LOD=0,0004)	0,041	SMEWW 3113 B : 2017
15	Đồng (Cu) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	1,62	SMEWW 3111 B : 2017
16	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	2,43	SMEWW 3111 B : 2017

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo,

QCVN hiện hành - QCVN 40:2011/BTNMT cột A hệ số K_q=0,9; K_f=0,9 và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2655/GP-BTNMT ngày 18/10/2019.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 117 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 11/03/2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		GIÁ TRỊ QCVN HIỆN HÀNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			NT02	NT04		
17	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	0,162	SMEWW 3111 B : 2017
18	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	0,405	SMEWW 3111.B : 2017
19	Sắt (Fe) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,05)	0,44	0,8	SMEWW 3111.B : 2017
20	Tổng phenol ⁽³⁾	mg/L	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,081	SMEWW 5530B&D:2017
21	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,3)	KPH (LOD=0,3)	4,05	SMEWW 5520B&F:2017
22	Sunfua ⁽³⁾	mg/L	0,16	0,11	0,16	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D: 2017
23	Florua (F ⁻) ^(1,2)	mg/L	0,35	0,39	4,05	SMEWW 4500-F B&D: 2017
24	Amoni ^(1,2) (tính theo N)	mg/L	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	4	TCVN 5988 : 1995
25	Tổng photpho ⁽¹⁾ (tính theo P)	mg/L	1,03	1,31	3	TCVN 6202: 2008
26	Clorua (Cl ⁻) ^(1,2)	mg/L	57,37	52,11	385	TCVN 6194 : 1996
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH	KPH	0,041	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ⁽³⁾	mg/L	KPH	KPH	0,243	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
29	Coliform ⁽¹⁾	MPN/100mL	2.100	2.000	3.000	TCVN 6187-2 : 1996
30	Tổng nitơ ^(1,2)	mg/L	11,73	7,18	16,2	TCVN 6638 : 2000

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

QCVN hiện hành - QCVN 40:2011/BTNMT cột A hệ số Kq=0,9; Kf=0,9 và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2655/GP-BTNMT ngày 18/10/2019.

((1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

(3): Chỉ tiêu VIMCERTS 117 thực hiện; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0869-22-CT

Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2022

- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
- Địa chỉ : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu : Bùn thải
- Vị trí lấy mẫu : 071222-01 (01-CT): Bùn sau ép tại nhà ép bùn của NMXLNTTT số 1
- Mô tả mẫu : Màu đen
- Ngày lấy mẫu : 07/12/2022, trời nắng
- Thời gian thử nghiệm : 08/12/2022 – 14/12/2022
- Phương pháp lấy mẫu :

TCVN 6663-15:2004 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 15: Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu bùn và trầm tích

TCVN 6663-13:2015 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 13: Hướng dẫn lấy mẫu bùn

- Kết quả thử nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 50: 2013/BTNMT Nồng độ ngâm chiết, C _{tc} (mg/l)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	pH ⁽¹⁾	-	8,03	≤ 2 hoặc ≥ 12,5	US EPA Method 9045D
2	Độ ẩm	%	64,32	-	TCVN 6648 : 2000
3	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,003)	2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3114 C : 2017
4	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	0,50	15	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
5	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	1,03	70	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	0,2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3112 B : 2017
7	Crom VI (Cr ⁶⁺) ⁽³⁾	mg/kg	KPH (LOD=1,8)	39	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7196A
8	Tổng CN ⁻ ^(*) (3)	mg/kg	KPH (LOD=0,3)	230	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (3): Chỉ tiêu VIMCERST 077 thực hiện

(*): Áp dụng đối với các chỉ tiêu phân tích theo “Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)”.

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

PHÓ GIÁM ĐỐC

CAO VŨ NGỌC TRAI

VŨ LÊ DUY KHÁNH

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0549-22-CT

Đồng Nai, ngày 19 tháng 09 năm 2022

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
- Địa chỉ** : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu** : Bùn thải
- Vị trí lấy mẫu** : 070922-01 (01-CT): Bùn sau ép tại nhà ép bùn của NMXLNTTT số 1
- Mô tả mẫu** : Màu đen
- Ngày lấy mẫu** : 07/09/2022, trời nắng
- Thời gian thử nghiệm** : 08/09/2022 – 15/09/2022
- Phương pháp lấy mẫu** :

TCVN 6663-15:2004 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 15: Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu bùn và trầm tích

TCVN 6663-13:2015 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 13: Hướng dẫn lấy mẫu bùn

9. Kết quả thử nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 50: 2013/BTNMT	PHƯƠNG PHÁP THỬ
				Nồng độ ngâm chiết, C_{tc} (mg/l)	
1	pH ⁽¹⁾	-	7,33	≤ 2 hoặc $\geq 12,5$	US EPA Method 9045D
2	Độ ẩm	%	63,73	-	TCVN 6648 : 2000
3	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	0,002	2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3114 C : 2017
4	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	0,27	15	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
5	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	0,21	70	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	<0,0002	0,2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3112 B : 2017
7	Crom VI (Cr^{6+}) ⁽³⁾	mg/L	<0,03	5	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196 A
8	Tổng $CN^{-(*)}$ (3)	mg/kg	<0,5	230	EPA Method 9013 A+ EPA Method 9010 C+ EPA Method 9014

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (3): Chỉ tiêu VIMCERST 117 thực hiện

(*): Áp dụng đối với các chỉ tiêu phân tích theo “Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)”.

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



CAO VŨ NGỌC TRAI



PHÓ GIÁM ĐỐC

VÕ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0329-22-CT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 06 năm 2022

- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
- Địa chỉ : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu : Bùn thải
- Vị trí lấy mẫu : 070622-01 (01-CT): Bùn sau ép tại nhà ép bùn của NMXLNTTT số 1
- Mô tả mẫu : Màu đen
- Ngày lấy mẫu : 07/06/2022, trời nắng
- Thời gian thử nghiệm : 08/06/2022 – 14/06/2022
- Phương pháp lấy mẫu :
TCVN 6663-15:2004 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 15: Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu bùn và trầm tích
TCVN 6663-13:2015 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 13: Hướng dẫn lấy mẫu bùn
- Kết quả thử nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 50: 2013/BTNMT	PHƯƠNG PHÁP THỬ
				Nồng độ ngâm chiết, C_{ic} (mg/l)	
1	pH ⁽¹⁾	-	8,13	≤ 2 hoặc $\geq 12,5$	US EPA Method 9045D
2	Độ ẩm	%	66,01	-	TCVN 6648 : 2000
3	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	0,0006	2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3114 C : 2017
4	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	1,02	15	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
5	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	0,52	70	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	<0,0002	0,2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3112 B : 2017
7	Crom VI (Cr^{6+}) ⁽³⁾	mg/L	<0,03	5	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196 A
8	Tổng CN ^{(*)(3)}	mg/kg	<0,5	230	EPA Method 9013 A+ EPA Method 9010 C+ EPA Method 9014

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (3): Chỉ tiêu VIMCERST 117 thực hiện

(*): Áp dụng đối với các chỉ tiêu phân tích theo "Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)".

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VÕ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai1@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0172-22-CT

Đồng Nai, ngày 23 tháng 03 năm 2022

- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
- Địa chỉ : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu : Bùn thải
- Vị trí lấy mẫu : 110322-02 (01-CT): Bùn sau ép tại nhà ép bùn của NMXLNTTT số 1
- Mô tả mẫu : Màu đen
- Ngày lấy mẫu : 11/03/2022, trời nắng
- Thời gian thử nghiệm : 12/03/2022 – 18/03/2022
- Phương pháp lấy mẫu :
TCVN 6663-15:2004 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 15: Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu bùn và trầm tích
TCVN 6663-13:2015 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 13: Hướng dẫn lấy mẫu bùn
- Kết quả thử nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 50: 2013/BTNMT	PHƯƠNG PHÁP THỬ
				Nồng độ ngâm chiết, C_{tc} (mg/l)	
1	pH ⁽¹⁾	-	7,67	≤ 2 hoặc $\geq 12,5$	US EPA Method 9045D
2	Độ ẩm	%	55,22	-	TCVN 6648 : 2000
3	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	<0,0002	2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3114 C : 2017
4	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	0,99	15	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
5	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	<0,03	70	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	<0,0002	0,2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3112 B : 2017
7	Crom VI (Cr ⁶⁺) ⁽³⁾	mg/L	<0,03	5	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196 A
8	Tổng CN ⁻ ^(*) (3)	ppm	<0,5	230	EPA Method 9013 A+ EPA Method 9010 C+ EPA Method 9014

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (3): Chỉ tiêu VIMCERST 117 thực hiện

(*): Áp dụng đối với các chỉ tiêu phân tích theo "Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)".

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI



PHÓ GIÁM ĐỐC

VÕ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0870-22-CT

Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2022

- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
- Địa chỉ : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu : Bùn thải
- Vị trí lấy mẫu : 071222-01 (02-CT): Bùn sau ép tại nhà ép bùn của NMXLNTTT số 2
: 071222-01 (03-CT): Bùn sau ép tại nhà ép bùn sinh học của NMXLNTTT số 2
- Mô tả mẫu : CT02, CT03: Màu đen
- Ngày lấy mẫu : 07/12/2022, trời nắng
- Thời gian thử nghiệm : 08/12/2022 – 14/12/2022
- Phương pháp lấy mẫu :

TCVN 6663-15:2004 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 15: Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu bùn và trầm tích

TCVN 6663-13:2015 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 13: Hướng dẫn lấy mẫu bùn

10. Kết quả thử nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 50: 2013/BTNMT Nồng độ ngậm chiết, C_{tc} (mg/l)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			CT02	CT03		
1	pH ⁽¹⁾	-	7,87	7,92	≤ 2 hoặc $\geq 12,5$	USEPA Method 9045D
2	Độ ẩm	%	64,05	65,23	-	TCVN 6648 : 2000
3	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3114 C : 2017
4	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	0,52	0,56	15	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
5	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	1,03	1,04	70	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
6	Thủy ngân(Hg) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3112 B : 2017
7	Crom VI (Cr^{6+}) ⁽³⁾	mg/kg	KPH (LOD=1,8)	KPH (LOD=1,8)	39	USEPA Method 3050B + US EPA Method 7196A
8	Tổng CN ⁻ ^(*) (3)	mg/kg	KPH (LOD=0,3)	KPH (LOD=0,3)	230	USEPA Method 9013A + USEPA Method 9010C + US EPA Method 9014

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (3): Chỉ tiêu VIMCERTS 077 thực hiện

(*): Áp dụng đối với các chỉ tiêu phân tích theo "Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)".

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VŨ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0550-22-CT

Đồng Nai, ngày 19 tháng 09 năm 2022

- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
- Địa chỉ : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu : Bùn thải
- Vị trí lấy mẫu : 070922-01 (02-CT): Bùn sau ép tại nhà ép bùn của NMXLNTTT số 2
: 070922-01 (03-CT): Bùn sau ép tại nhà ép bùn sinh học của NMXLNTTT số 2
- Mô tả mẫu : CT02, CT03: Màu đen
- Ngày lấy mẫu : 07/09/2022, trời nắng
- Thời gian thử nghiệm : 08/09/2022 – 15/09/2022
- Phương pháp lấy mẫu :

TCVN 6663-15:2004 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 15: Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu bùn và trầm tích

TCVN 6663-13:2015 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 13: Hướng dẫn lấy mẫu bùn

10. Kết quả thử nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 50: 2013/BTNMT	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			CT02	CT03	Nồng độ ngâm chiết, C_{tc} (mg/l)	
1	pH ⁽¹⁾	-	7,19	7,46	≤ 2 hoặc $\geq 12,5$	USEPA Method 9045D
2	Độ ẩm	%	63,08	64,06	-	TCVN 6648 : 2000
3	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	<0,0002	<0,0002	2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3114 C : 2017
4	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	0,28	0,31	15	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
5	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	<0,03	0,18	70	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	<0,0002	<0,0002	0,2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3112 B : 2017
7	Crom VI (Cr ⁶⁺) ⁽³⁾	mg/L	<0,03	<0,03	5	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196 A
8	Tổng CN ^{-(*)} (3)	mg/kg	<0,5	<0,5	220	EPA Method 9013 A+ EPA Method 9010 C+ EPA Method 9014

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (3): Chỉ tiêu VIMCERTS 117 thực hiện

(*): Áp dụng đối với các chỉ tiêu phân tích theo “Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)”.

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI



VŨ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai1@gmail.com

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số : 0330-22-CT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 06 năm 2022

- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
- Địa chỉ : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu : Bùn thải
- Vị trí lấy mẫu : 070622-01 (02-CT): Bùn sau ép tại nhà ép bùn của NMXLNTTT số 2
: 070622-01 (03-CT): Bùn sau ép tại nhà ép bùn sinh học của NMXLNTTT số 2
- Mô tả mẫu : CT02, CT03: Màu đen
- Ngày lấy mẫu : 07/06/2022, trời nắng
- Thời gian thử nghiệm : 08/06/2022 – 14/06/2022
- Phương pháp lấy mẫu :

TCVN 6663-15:2004 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 15: Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu bùn và trầm tích

TCVN 6663-13:2015 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 13: Hướng dẫn lấy mẫu bùn

10. Kết quả thử nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 50: 2013/BTNMT	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			CT02	CT03	Nồng độ ngâm chiết, C_{tc} (mg/l)	
1	pH ⁽¹⁾	-	8,11	7,97	≤ 2 hoặc $\geq 12,5$	USEPA Method 9045D
2	Độ ẩm	%	66,88	64,81	-	TCVN 6648 : 2000
3	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	0,0006	<0,0002	2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3114 C : 2017
4	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	1,07	1,44	15	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
5	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	0,53	1,07	70	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	<0,0002	<0,0002	0,2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3112 B : 2017
7	Crom VI (Cr^{6+}) ⁽³⁾	mg/L	<0,03	<0,03	5	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196 A
8	Tổng CN ^(*) (3)	mg/kg	<0,5	<0,5	220	EPA Method 9013 A+ EPA Method 9010 C+ EPA Method 9014

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đặc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (3): Chỉ tiêu VIMCERTS 117 thực hiện

(*): Áp dụng đối với các chỉ tiêu phân tích theo “Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)”.

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

CAO VŨ NGỌC TRAI



VÕ LÊ DUY KHÁNH



VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, tổ 6, khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388

Email: bachvietdongnai1@gmail.com



VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0173-22-CT

Đồng Nai, ngày 23 tháng 03 năm 2022

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
 2. Địa chỉ : KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
 3. Loại mẫu : Bùn thải
 4. Vị trí lấy mẫu : 110322-02 (02-CT): Bùn sau ép tại nhà ép bùn của NMXLNTTT số 2
 : 110322-02 (03-CT): Bùn sau ép tại nhà ép bùn sinh học của NMXLNTTT số 2
 5. Mô tả mẫu : CT02, CT03: Màu nâu đen
 6. Ngày lấy mẫu : 11/03/2022, trời nắng
 7. Thời gian thử nghiệm : 12/03/2022 – 18/03/2022
 8. Phương pháp lấy mẫu :

TCVN 6663-15:2004 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 15: Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu bùn và trầm tích

TCVN 6663-13:2015 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 13: Hướng dẫn lấy mẫu bùn

10. Kết quả thử nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 50: 2013/BTNMT	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			CT02	CT03	Nồng độ ngâm chiết, C_{tc} (mg/l)	
1	pH ⁽¹⁾	-	8,01	7,86	≤ 2 hoặc $\geq 12,5$	USEPA Method 9045D
2	Độ ẩm	%	56,39	55,52	-	TCVN 6648 : 2000
3	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	<0,0002	<0,0002	2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3114 C : 2017
4	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	1,00	0,52	15	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
5	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	<0,03	<0,03	70	USEPA Method 1311 + SMEWW 3111 B : 2017
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	<0,0002	<0,0002	0,2	USEPA Method 1311 + SMEWW 3112 B : 2017
7	Crom VI (Cr^{6+}) ⁽³⁾	mg/L	<0,03	<0,03	5	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196 A
8	Tổng CN ^(*) (3)	ppm	<0,5	<0,5	220	EPA Method 9013 A+ EPA Method 9010 C+ EPA Method 9014

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (3): Chỉ tiêu VIMCERTS 117 thực hiện

(*): Áp dụng đối với các chỉ tiêu phân tích theo "Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)".

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VÕ LÊ DUY KHÁNH